

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH HẢI DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 62/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 26/4/2022

V/v Ly hôn, tranh chấp nuôi con
khi ly hôn.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HẢI DƯƠNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Vũ Thanh Tuấn.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Hoàn;

2. Ông Hg Sĩ Quang.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Minh Hiền - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương tham gia phiên tòa:
Bà Bùi Thị Hậu - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 4 năm 2022 tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 24/2022/TLST-HNGĐ ngày 19/01/2022 về Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 45/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 16 tháng 3 năm 2022; Quyết định hoãn phiên tòa số 46/2022/QĐST-HNGĐ ngày 07 tháng 4 năm 2022 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh **Vũ Xuân V**, sinh năm 1984.

Địa chỉ: Xã T, huyện Bình Giang, tỉnh Hải Dương. (Vắng mặt).

2. Bị đơn: Chị **Vũ Thị T**, sinh năm 1988.

Nơi cư trú trước khi xuất cảnh: Xã T, huyện Bình Giang, tỉnh Hải Dương.

Nơi cư trú hiện nay: Đài Loan. (Vắng mặt).

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Vũ Hữu H, sinh năm 1965, địa chỉ: xã D, huyện Bình Giang, tỉnh Hải Dương. (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là anh Vũ Xuân V trình bày: Anh và chị Vũ Thị T được tự do tìm

hiếu và tự nguyện kết hôn vào ngày 14 tháng 5 năm 2010 tại UBND xã T, huyện Bình Giang, tỉnh Hải Dương. Sau khi kết hôn được một thời gian ngắn thì anh V vào Thành phố Hồ Chí Minh để làm việc còn chị T làm công nhân ở gần nhà. Thời gian đầu sống xa nhau, vợ chồng vẫn thường xuyên liên lạc, tuy nhiên được khoảng 01 năm thì vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do vợ chồng có nhiều quan điểm bất đồng trong cuộc sống, chị T cũng thường xuyên chụp ảnh thân mật với người đàn ông khác nên mâu thuẫn vợ chồng trở nên trầm trọng. Sau đó chị T đã tự ý đưa con về nhà bố mẹ đẻ tại thôn Hà Đông, xã Thái Dương, huyện Bình Giang, tỉnh Hải Dương mà không nói cho anh V biết. Đến năm 2014, chị T đi xuất lao động tại Đài Loan. Từ khi chị T đi nước ngoài, chị T đã chủ động cắt đứt hoàn toàn liên lạc với anh V, vợ chồng không còn quan tâm đến nhau và ly thân từ đó đến nay. Anh V xác định mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy đề nghị Tòa án giải quyết cho anh ly hôn với chị Vũ Thị T để cả hai sớm ổn định cuộc sống.

Về con chung: Anh chị có 01 con chung là cháu Vũ Anh T1, sinh ngày 09/4/2011. Hiện nay, cháu T1 đang sinh sống và học tập ổn định cùng ông bà ngoại tại thôn Hà Đông, xã Thái Dương, huyện Bình Giang, tỉnh Hải Dương. Khi ly hôn, do tính chất công việc của anh V thường xuyên di chuyển, không có nơi làm việc cố định nên để đảm bảo điều kiện tốt nhất cho con, anh V đồng ý để chị T tiếp tục nuôi dưỡng cháu T1. Cháu T1 cũng có nguyện vọng được ở với mẹ. Trong thời gian chị T đang đợi làm thủ tục về nước, ông bà ngoại cháu sẽ thay mặt chị T tiếp tục nuôi dưỡng chăm sóc cháu T1. Anh V đồng ý cấp dưỡng nuôi con theo quy định pháp luật.

Về quan hệ tài sản chung: Anh V và chị T không có tài sản chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại các biên bản lấy lời khai, bố đẻ của chị Vũ Thị T là ông Vũ Hữu H trình bày: Ông H là bố đẻ của chị Vũ Thị T. Anh V và chị T kết hôn tự nguyện và có đăng ký tại UBND xã T, huyện Bình Giang, tỉnh Hải Dương ngày 14 tháng 5 năm 2010. Sau khi kết hôn vợ chồng anh chị sống chung cùng gia đình anh V. Mâu thuẫn của anh V và chị T cụ thể thì ông cũng không nắm được tuy nhiên ông xác định anh V chị T chung sống thường xuyên cãi vã, có nhiều mâu thuẫn, bản thân anh V không chăm lo gia đình, không có trách nhiệm với vợ con. Năm 2014, chị T đi lao động tại Đài Loan. Do chị T không nói địa chỉ cụ thể nên ông không cung cấp địa chỉ cụ thể của chị T tại Đài Loan cho Tòa án được. Gia đình vẫn thường xuyên liên lạc với chị T nên ông H nhận các văn bản

tổ tụng của Tòa án để thông báo cho chị T biết việc anh V đang yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn, đồng thời thông báo nội dung các văn bản tố tụng của tòa án cho chị T biết. Chị T xác định vợ chồng ly thân đã lâu, hiện chị không có mặt ở Việt Nam nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị ly hôn với anh V. Chị T xác định vợ chồng có 01 con chung là Vũ Anh T1, sinh ngày 09/4/2011 hiện đang ở cùng với ông H. Khi ly hôn chị T có nguyện vọng được tiếp tục nuôi dưỡng con chung do hiện chị T không có mặt ở Việt Nam nên ủy quyền cho ông H tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc cháu T1. Chị T có quan điểm đề nghị anh V cấp dưỡng nuôi con theo quy định pháp luật. Vợ chồng không có tài sản chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do điều kiện công việc thường xuyên thay đổi địa chỉ nên chị T không thể cung cấp địa chỉ cụ thể, đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt chị T và tổng đạt các văn bản thông qua bố đẻ chị là ông H. Ông H đồng ý nhận thay để thông báo cho chị T. Ngoài ra ông H không trình bày hay có yêu cầu gì khác.

Theo thông tin do Cục Quản lý xuất nhập cảnh cung cấp tại Công văn số 3191/QLXNC-P5 ngày 17/02/2022 thể hiện: Chị Vũ Thị T, sinh ngày 20/8/1988 có thông tin xuất nhập cảnh nhiều lần; lần cuối xuất cảnh ngày 07/3/2017 qua cửa khẩu Nội Bài bằng hộ chiếu số B9967864, hiện chưa có thông tin nhập cảnh.

Tại phiên tòa các đương sự đều vắng mặt.

Đại diện VKSND tỉnh Hải Dương phát biểu ý kiến:

- Về tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án, trong giai đoạn chuẩn bị xét xử đến nay tại phiên tòa, Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân, Thư ký phiên tòa cũng như những người tham gia tố tụng cơ bản tuân thủ đúng quy định của pháp luật tố tụng.

- Về hướng giải quyết vụ án: Đề nghị HĐXX áp dụng các Điều 56,81,82, Luật HN&GD năm 2014, Điều 147 BLTTDS năm 2015, Nghị quyết 326 quy định về án phí, lệ phí Tòa án chấp nhận xử cho anh Vũ Xuân V được ly hôn chị Vũ Thị T. Giao cho chị Vũ Thị T được trực tiếp nuôi dưỡng con chung là Vũ Anh T1, sinh ngày 09/4/2011 đến khi trưởng thành và tạm giao cháu T1 cho ông H chăm sóc, nuôi dưỡng trong thời gian chị T không ở Việt Nam. Anh V có nghĩa vụ cấp dưỡng 1.000.000đ/1tháng, thời gian cấp dưỡng tính từ tháng 05/2022 cho đến khi con chung đủ 18 tuổi. Anh Vũ Xuân V phải chịu 300.000đ án phí sơ thẩm ly hôn và 300.000đ án phí cấp dưỡng nuôi con.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Anh Vũ Xuân V có đơn đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn với chị Vũ Thị T có hộ khẩu thường trú tại tỉnh Hải Dương, hiện đang lao động tại Đài Loan,. Căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 28, Điều 37, Điều 39, Điều 464 BLTTDS, Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương thụ lý và giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền.

Tại phiên tòa anh V vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; chị T vắng mặt lần thứ hai, căn cứ Điều 228, Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự, HĐXX tiến hành xét xử vụ án theo quy định. Tòa án xác định đây là trường hợp bị đơn cố tình giấu địa chỉ, vì vậy Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo Công văn số 253/TANDTC-PC ngày 26/11/2018 của Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn giải quyết vụ án ly hôn có bị đơn là người Việt Nam ở nước ngoài nhưng không rõ địa chỉ.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Anh V và chị T tự do tìm hiểu và tự nguyện kết hôn, có đăng ký vào ngày 14 tháng 5 năm 2010 tại UBND xã T, huyện Bình Giang, tỉnh Hải Dương nên được công nhận là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn được khoảng 01 năm thì vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do vợ chồng có nhiều quan điểm bất đồng trong cuộc sống. Sau đó chị T đã đưa con về nhà bố mẹ đẻ của chị T tại Thôn Hà Đông, xã Thái Dương, huyện Bình Giang, tỉnh Hải Dương. Đến năm 2014, chị T đi xuất lao động tại Đài Loan. Từ khi chị T đi nước ngoài, chị T đã chủ động cắt đứt hoàn toàn liên lạc với anh V, vợ chồng không còn quan tâm đến nhau và vợ chồng ly thân từ đó đến nay.

Xét thấy hôn nhân của anh V và chị T đã lâm vào tình trạng trầm trọng, vợ chồng ly thân nhiều năm, không ai quan tâm đến ai, mục đích hôn nhân không đạt được, mỗi người ở một nước khác. Thông qua ông H thì chị T cũng xác định vợ chồng ly thân đã lâu, đồng ý ly hôn với anh V nên cần chấp nhận cho anh V ly hôn chị T là phù hợp quy định tại Điều 51, Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] Về quan hệ con chung: Anh V, chị T có 01 con chung là Vũ Anh T1, sinh ngày 09/4/2011 hiện đang ở cùng với ông H tại thôn Hà Đông, xã Thái Dương, huyện Bình Giang, tỉnh Hải Dương. Anh V có quan điểm khi vợ chồng ly hôn do con chung đang ở ổn định với ông H và điều kiện công việc của anh thường phải đi nhiều nơi xa nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị T tiếp tục nuôi con chung. Cháu T1 cũng có nguyện vọng được ở với mẹ, bản thân chị T cũng có nguyện vọng được nuôi con chung. Trong thời gian chị T không ở Việt Nam, ông H là bố đẻ của chị T sẽ thay chị chăm sóc nuôi dưỡng cháu T1. Xét

thấy, việc giao cháu T1 cho chị T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng là phù hợp với thực tế nhiều năm nay; phù hợp với nguyện vọng của các đương sự; căn cứ các Điều 58, 81, 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình, HĐXX giao cháu T1 cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng. Trong thời gian chị T ở nước ngoài, ông H sẽ thay chị T trực tiếp nuôi dưỡng cháu T1.

[4] Về yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung: Chị T và ông H đề nghị Tòa án buộc anh V phải có nghĩa vụ cấp dưỡng tiền nuôi con chung là cháu T1 theo quy định pháp luật. Anh V tự nguyện cấp dưỡng tiền cho con chung theo quy định của pháp luật. Xét thấy hiện nay mức lương tối thiểu là 1.490.000đ/tháng, do đó HĐXX quyết định anh V có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung số tiền 1.500.000đ/1tháng (Một triệu năm trăm nghìn đồng) đến khi con chung đủ 18 tuổi là phù hợp, đảm bảo việc nuôi dưỡng, phát triển bình thường của con chung theo đúng quy định tại Điều 110 và Điều 116 của Luật Hôn nhân và gia đình. Thời gian cấp dưỡng kể từ tháng 05/2022 cho đến khi con đủ 18 tuổi trưởng thành.

[5] Về quan hệ tài sản chung: Anh V và chị T xác định vợ chồng không có tài sản chung, không yêu cầu giải quyết nên HĐXX không xét.

[6] Về án phí: Anh V phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm và án phí cấp dưỡng theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm c khoản 1 Điều 37, điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147, Điều 228, Điều 238, Điều 271, Điều 273, Điều 464 và Điều 479 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 51, Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 110, Điều 116 và Điều 117 Luật Hôn nhân và gia đình 2014;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Vũ Xuân V. Xử cho anh Vũ Xuân V được ly hôn chị Vũ Thị T.

2. Về quan hệ con chung: Giao cho chị Vũ Thị T được trực tiếp nuôi dưỡng con chung là Vũ Anh T1, sinh ngày 09/4/2011 đến khi trưởng thành.

Tạm giao cháu Vũ Anh T1 cho ông Vũ Hữu H (là bố đẻ của chị Vũ Thị T) tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng trong thời gian chị T không ở Việt Nam.

Buộc anh Vũ Xuân V phải có nghĩa vụ cấp dưỡng định kỳ hàng tháng cho con chung là cháu Vũ Anh T1 với số tiền là 1.500.000đ/1tháng. Số tiền trên được giao cho chị Vũ Thị T thông qua ông Vũ Hữu H (bố đẻ của chị T). Thời gian cấp dưỡng tính từ tháng 5/2022 cho đến khi con chung đủ 18 tuổi trưởng thành.

Kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn thi hành án mà người phải thi hành án chưa thi hành thì phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo quy định tại khoản 2 Điều 357 và Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Anh Vũ Xuân V có quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được cản trở.

3. Về án phí: Anh Vũ Xuân V phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí sơ thẩm ly hôn và 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí sơ thẩm cấp dưỡng nuôi con. Đối trừ với 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí anh V đã nộp tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Hải Dương, theo biên lai thu số AA/2020/0004699 ngày 19/01/2022. Anh Vũ Xuân V còn phải nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí sơ thẩm dân sự về cấp dưỡng nuôi con.

4. Về quyền kháng cáo: Anh Vũ Xuân V, ông Vũ Hữu H được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, chị Vũ Thị T được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 01 tháng, kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ, hoặc từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Hải Dương;
- Cục THADS tỉnh Hải Dương;
- UBND xã T, huyện Bình Giang;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Vũ Thanh Tuấn